

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2021/DS-ST

Ngày: 09-6-2021

V/v : “Tranh chấp chia thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Ngọc Dung*
- *Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Cao Thị Chính
2. Ông Nguyễn Đình Thọ*
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa : Ông Lê Đức Phong - Cán bộ Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn: Bà Nguyễn Hồng Phúc – Kiểm sát viên.*

Vào ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2020/TLST - DS ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp chia thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXX-ST ngày 05/5/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà *Phạm Thị Hồng P*, sinh năm: 1971, địa chỉ: Số A đường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phú: Ông *Lê Văn K* – Luật sư Chi nhánh Công ty luật TNHH MTV Sài Gòn – Quy Nhơn tại An Nhơn, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định, địa chỉ: Số B đường Nguyễn Thị Minh Khai, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông *Phạm Hồng H*, sinh năm: 1960, địa chỉ: Số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (có mặt).

3. *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1 - *Cụ bà Nguyễn Thị T*, sinh năm: 1932, địa chỉ: Số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (có mặt).

3.2 - *Bà Phạm Thị Hồng T*, sinh năm: 1958, địa chỉ: Số D đường Trần Quý Cáp (Tổ A, phường Tự An), thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3.3 - *Bà Phạm Thị Hồng H*, sinh năm: 1963, địa chỉ: Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3.4 - *Bà Phạm Thị Hồng T*, sinh năm: 1965, địa chỉ: Số E đường Hùng Vương, phường Tân Lập, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3.5 - Anh *Phạm Hồng T*, sinh năm: 1998, địa chỉ: Khu vực Tân Hòa, phường Tân Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

3.6 - Bà *Lê Thị H*, sinh năm: 1968, địa chỉ: Số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng P và ông Lê Văn K là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P thống nhất trình bày:*

Cha mẹ của bà P là ông Phạm Văn X và bà Nguyễn Thị T sinh được 6 người con là Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1958; Phạm Hồng H, sinh năm 1960; Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1963; Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1965; Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1971 và Phạm Hồng P, sinh năm 1968 (chết ngày 03/9/2002 có 01 con là Phạm Hồng T, sinh năm 1998). Ngoài ra cha mẹ bà không có thêm người con nào khác. Ngày 17/5/2007 cha mẹ bà đã ly hôn theo quyết định của Tòa án nhưng tài sản chung của cha mẹ bà chưa yêu cầu giải quyết. Ngày 05/9/2017 cha bà chết có để lại di sản là $\frac{1}{2}$ nhà và đất trong khối tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân tại số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, có diện tích theo sổ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 4933 ngày 06/7/2001 là 45,80m² do UBND tỉnh Bình Định cấp cho ông Phan Văn X và bà Nguyễn Thị T. Nhà và giấy chứng nhận hiện nay do ông Phạm Hồng H quản lý sử dụng.

Nay cha bà đã chết và không để lại di chúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản của cha là ông Phạm Văn X để lại là $\frac{1}{2}$ nhà và đất tại số nhà C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định có diện tích theo sổ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 4933 ngày 06/7/2001 là 45,80m² theo quy định pháp luật, bà xin nhận di sản thừa kế bằng tiền. Bà thống nhất trị giá nhà và đất như giá Hội đồng định giá đã định. Tại phiên Tòa bà đồng ý trích cho ông H sở hữu 50.000.000đ trong kỷ phần phần di sản bà được hưởng bù đắp cho công sức đóng góp của ông H. Còn $\frac{1}{2}$ tài sản trên là của mẹ Nguyễn Thị T thì trả lại cho mẹ bà sở hữu. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Phạm Hồng H trình bày:* Ông thống nhất như bà P về quan hệ huyết thống: Ông là con ruột của ông Phạm Văn X và bà Nguyễn Thị T. Cha mẹ ông sinh được 06 người con tên: Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1958; Phạm Hồng H, sinh năm 1960; Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1963; Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1965; Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1971 và Phạm Hồng P, sinh năm 1968 (chết ngày 03/9/2002 có 01 con là Phạm Hồng T sinh năm 1998). Ngoài ra cha mẹ ông không có thêm người con nào khác.

Về nguồn gốc căn nhà và đất tọa lạc tại số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định có diện tích là 45,80m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 4933 ngày 06/7/2001 do UBND tỉnh Bình Định cấp cho ông Phan Văn X và bà Nguyễn Thị T là tài sản do cha mẹ ông tạo lập như bà P đã trình bày.

Ngày 17/5/2007 cha mẹ ông đã ly hôn nhưng tài sản chung chưa yêu cầu giải quyết. Vào ngày 05/9/2017 cha ông chết có để lại di sản là $\frac{1}{2}$ nhà và đất trong khối tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân tại số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, có diện tích là 45,80m² theo sổ chứng nhận quyền sở hữu nhà số 4933 ngày 06/7/2001 do UBND tỉnh Bình Định cấp cho ông Phan Văn X và bà Nguyễn Thị T. Ông là người ở cùng và chăm sóc cha cho đến cuối đời, khi cha ông chết không để lại di chúc nhưng có lời trăng trối cuối cùng là để lại tài sản trên cho ông ở làm ăn sinh sống và thờ cúng ông bà. Nhà và đất hiện nay do ông quản lý sử dụng. Còn các giấy tờ gốc nhà và đất nói trên ông đã làm thất lạc mất.

Nay bà Phú yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản của ông Phạm Văn X là $\frac{1}{2}$ nhà và đất nói trên theo quy định pháp luật ông không đồng ý vì: Ông ở với cha mẹ từ nhỏ cho đến nay, là con trai lớn nên đây là nhà của ông vì cha mẹ chưa cho ông thứ gì còn tất cả các anh chị em khác thì đã được cha mẹ lo lắng cho đầy đủ. Hơn nữa sau khi cha ông mất ngày 19/9/2017 gia đình đã họp bàn có văn bản thỏa thuận chia tài sản nhưng các anh em không thực hiện nên nay sẽ mất quyền lợi.

Ngày 04/11/2019 mẹ ông là bà Nguyễn Thị T có lập di chúc tại Văn phòng công chứng cho ông phần tài sản của bà T, nhưng sau đó bà T nghe lời các chị em trong gia đình nên đã lập văn bản hủy bỏ di chúc trên vào ngày 17/8/2020, không cho ông nữa. Việc mẹ ông cho tài sản và lấy lại tài sản thì đó là quyền của mẹ, ông không có ý kiến gì.

Ông thống nhất toàn bộ về giá nhà đất như Hội đồng định giá đã định. Nếu Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật thì ông yêu cầu các đồng thừa kế tự nguyện xem xét tính công sức của ông chăm sóc và giữ gìn tài sản trước và sau khi cha mất cho ông, ông xin nhận di sản thừa kế bằng tiền. Ngoài ra ông không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà là vợ ông Phạm Văn X, vợ chồng bà có được 06 người con tên: Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1958; Phạm Hồng H, sinh năm 1960; Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1963; Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1965; Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1971 và Phạm Hồng P, sinh năm 1968 (chết ngày 03/9/2002 có 01 con là Phạm Hồng T sinh năm 1998). Trong thời kỳ hôn nhân ông bà được UBND tỉnh Bình Định cấp Quyền sở hữu nhà tại số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, có diện tích theo sổ chứng nhận số 4933 ngày 06/7/2001 là 45,80m² cho ông bà Phan Văn X và Nguyễn Thị T. Ngày 17/5/2007 bà và ông X đã ly hôn nhưng tài sản chung chưa yêu cầu Tòa giải quyết. Ngày 05/9/2017 ông X chết không để lại di chúc. Vào ngày 04/11/2019 bà có lập di chúc tại Văn phòng Công chứng với nội dung là sau khi bà qua đời, toàn bộ tài sản của bà là $\frac{1}{2}$ nhà và đất tại địa chỉ số C đường Nguyễn Huệ, phường Trần Phú, thành phố Quy Nhơn sẽ được dịch chuyển cho anh Phạm Hồng H chị Lê Thị H và các cháu Phạm Thị Ngọc H, Phạm Thị Ngọc H. Nhưng sau đó anh H có hỗn láo và đe dọa bà nên ngày 17/8/2020 bà đã lập văn bản hủy bỏ di chúc nói trên tại phòng công chứng. Nay bà thống nhất tất cả các ý kiến và yêu cầu như nguyên đơn Phạm Thị Hồng P đã

trình bày ở trên đối với di sản của ông X để lại chia cho các con theo quy định, còn tài sản của bà trong khối tài sản chung giữa bà và ông X là $\frac{1}{2}$ là nhà và đất tại địa chỉ số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, bà yêu cầu được nhận lại và bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Bà thống nhất toàn bộ về giá nhà đất như Hội đồng định giá đã định. Tại phiên Tòa bà tự nguyện cho anh H sở hữu 300.000.000đ. Ngoài ra bà không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng T, bà Phạm Thị Hồng H, bà Phạm Thị Hồng T trình bày:* Các bà là chị em ruột với bà Phạm Thị Hồng P và ông Phạm Hồng H và cùng là con của cụ ông Phạm Văn X và cụ bà Nguyễn Thị T. Nay các bà đều thống nhất lời trình bày và yêu cầu của bà P đối với ông H về quan hệ huyết thống, về di sản của cụ X và yêu cầu chia di sản của cụ X để lại theo quy định, các bà xin nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng tiền và thống nhất như bà P đồng ý mỗi người trích cho ông H sở hữu 50.000.000đ trong kỷ phần phần di sản của mình được hưởng để bù đắp cho công sức đóng góp của ông H. Còn về phần tài sản của mẹ Nguyễn Thị T thì trả lại cho mẹ. Ngoài ra các bà không có yêu cầu gì thêm.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hồng T trình bày:* Anh là con ông Phạm Hồng P (cha anh chết năm 2002) và là cháu nội của cụ ông Phạm Văn X và cụ bà Nguyễn Thị T. Nay anh thống nhất lời trình bày, yêu cầu và ý kiến của cô P. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì thêm.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày:* Bà là vợ của ông Phạm Hồng H, ông Phạm Văn X và bà Nguyễn Thị T là cha mẹ chồng của bà, vợ chồng bà đã ở với cha Phạm Văn X tại nhà 323 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn từ năm 1993 đến khi cha chồng bà chết (năm 2017) sau đó tiếp tục ở tại nhà trên để lo thờ cúng. Còn mẹ chồng của bà ra Bắc từ năm 2003 cho đến nay bà T thỉnh thoảng về Quy Nhơn thăm các con cháu. Quá trình vợ chồng bà ở tại nhà trên có sửa chữa nhà nâng nền hết khoảng 5.000.000đ. Vì số tiền nhỏ nên bà không có ý kiến và yêu cầu gì. Về giấy tờ nhà và đất tại địa chỉ số C đường Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn do ông H chồng bà cất giữ chứ bà không biết.

Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản của ông Phạm Văn X là $\frac{1}{2}$ nhà và đất tại số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, có diện tích là 45,80m² theo sổ chứng nhận quyền sở hữu nhà số 4933 ngày 06/7/2001 do UBND tỉnh Bình Định cấp cho ông bà Phan Văn X và Nguyễn Thị T theo quy định pháp luật, bà thống nhất đồng ý theo ý kiến của ông H.

Bà thống nhất toàn bộ về giá nhà đất như Hội đồng định giá đã định. Nếu Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật thì bà yêu cầu gia đình nên xem xét và tính công sức chăm sóc cha và giữ gìn di sản thừa kế cho anh H theo quy định. Ngoài ra bà không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

- Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Tại phiên Tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng P yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ ông Phạm Văn X cho các con là đồng thừa kế theo quy định của pháp luật về thừa kế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thực hiện quyền đúng và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan còn vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 609, 613, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự 2015 và các điều 100, 179 Luật đất đai năm 2013.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng P.

- Giao nhà và đất tại số nhà số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cho cụ T sở hữu.

- Cụ T có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản cho các đồng thừa kế trên theo kỹ phần được hưởng như sau:

+ Các bà P, bà T, bà T, H, ông H và anh T mỗi người được nhận 468.869.666đ.

+ Ông H được nhận từ các bà P, bà T, bà T, bà H, và anh T mỗi người 50.000.000đ.

+ Ông H được nhận từ cụ T số tiền 300.000.000đ.

- Cụ T được đến cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục chỉnh lý biên động về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà nói trên theo quy định.

- Bác lời nại của ông H không đồng ý chia thừa kế di sản trên vì ông ở với cha mẹ từ nhỏ đến lớn và là con trai lớn nên đây là nhà của ông.

- Về chi phí định giá các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp thừa kế, bị đơn có địa chỉ cư trú tại số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý vụ án, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng T, bà Lê Thị H và anh Phạm Hồng T: vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa, HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2]- Về nội dung: Xét yêu cầu chia thừa kế của bà Phạm Thị Hồng P đối với ông Phạm Hồng H thì thấy rằng:

Cụ Phạm Văn X và cụ Nguyễn Thị T sinh được 6 người con là Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1958; Phạm Hồng H, sinh năm 1960; Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1963; Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1965; Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1971 và Phạm Hồng P, sinh năm 1968 (chết ngày 03/9/2002 có 01 con là Phạm Hồng

T, sinh năm 1998); Ngoài ra cụ X cụ T không có thêm người con nào khác. Trong thời kỳ hôn nhân cụ X và cụ T được UBND tỉnh Bình Định cấp quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, có diện tích là 45,80m² theo sổ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 4933 ngày 06/7/2001. Đó là tài sản chung của cụ X và cụ T. Ngày 17/5/2007 cụ X và cụ T đã ly hôn nhưng tài sản chung của hai cụ chưa yêu cầu giải quyết. Ngày 05/9/2017 cụ ông Phạm Văn X chết không để lại di chúc nên di sản của cụ X là 1/2 nhà và đất tại số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 4933 ngày 06/7/2001 do UBND tỉnh Bình Định cấp cho ông Phan Văn X và bà Nguyễn Thị T.

Các đương sự đã thống nhất được hàng thừa kế và di sản thừa kế do cụ ông Phạm Văn X để lại là ½ nhà và đất trong khối tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân tại số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, có diện tích là 45,80m² theo sổ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 4933 ngày 06/7/2001 do UBND tỉnh Bình Định cấp cho ông Phan Văn X và bà Nguyễn Thị T là chưa chia nhưng không thống nhất được cách giải quyết vụ án.

Do cụ X chết ngày 05/9/2017 không để lại di chúc, nên di sản của cụ X được chia thừa kế và hàng thừa kế theo quy định của pháp luật. Nên yêu cầu chia thừa kế của bà Phạm Thị Hồng P là có căn cứ quy định tại các Điều 609, 613, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận.

Như vậy HĐXX xác định nhà và đất tại số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, có diện tích là 45,80m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 4933 ngày 06/7/2001 có trị giá: 5.626.436.000đ. Căn cứ luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là tài sản chung của cụ ông Phạm Văn X và cụ bà Nguyễn Thị T. Do cụ ông chết ngày 05/9/2017 không để lại di chúc nên tài sản chung được phân định mỗi người được hưởng một phần hai theo quy định pháp luật. Như vậy tài sản riêng của cụ ông Phạm Văn X và cụ bà Nguyễn Thị T cụ thể mỗi người có là: 5.626.436.000đ : 2 = 2.813.218.000đ.

Vì cụ X chết không để lại di chúc nên thời điểm được mở thừa kế năm 2017 và hàng thừa kế thứ nhất của cụ X gồm có 06 người con (cụ T và cụ X đã ly hôn năm 2007) như vậy di sản thừa kế cụ X là 2.813.218.000đ được chia đều cho 6 kỷ phần thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Xét. Mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là: 2.813.218.000đ : 6 = 468.869.500đ.

Đối với ông Phạm Hồng P là con của cụ X và cụ T. Ông P chết năm 2002 hiện ông P có 01 con là Phạm Hồng T, là người thừa kế thế vị của ông P nên được nhận kỷ phần của ông P thay cho ông P theo quy định tại Điều 652 BLDS năm 2015.

Đối với yêu cầu của vợ chồng ông H về việc xem xét phần công sức chăm sóc và giữ gìn di sản thừa kế và thờ cúng cụ X cho ông H là có căn cứ và được các đồng thừa kế của cụ X thông nhất trích mỗi người 50.000.000đ trong kỷ phần thừa kế được nhận. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Như vậy kỷ phần thừa kế được hưởng còn lại của bà T, bà T, bà H, bà P và anh T là: 468.869.500đ - 50.000.000đ = 418.869.500đ.

Tại phiên tòa cụ T đồng ý cho anh H được sở hữu 300.000.000đ. Đây là sự tự nguyện của cụ T nên được HĐXX ghi nhận sự tự nguyện trên.

Như vậy ông H được nhận số tiền là 1.018.869.500đ (trong đó 468.869.500đ tiền kỷ phần thừa kế + 250.000.000đ tiền công sức giữ gìn di sản + 300.000.000đ tiền cụ T cho).

Xét yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng tiền của các đồng thừa kế thì thấy rằng: di sản chia thừa kế và tài sản chung chỉ có diện tích 45,80m² tại 323 Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn. Đây là diện tích đất còn quá nhỏ so với nhu cầu sử dụng theo quy định của pháp luật nên không thể chia nhỏ bằng hiện vật được, hơn nữa các đồng thừa kế cũng có nhu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền. Nay cụ T cũng có nhu cầu được nhận lại tài sản bằng hiện vật để ở thờ cúng nên giao diện tích nhà và đất nói trên cho cụ T tiếp tục ở, cụ T có nghĩa vụ hoàn lại kỷ phần thừa kế cho những người được hưởng bằng tiền theo quy định.

Như vậy cụ T có nghĩa vụ giao các kỷ phần thừa kế cho bà Phạm Thị Hồng T, bà Phạm Thị Hồng H, bà Phạm Thị Hồng T, bà Phạm Thị Hồng P và anh Phạm Hồng T mỗi người được hưởng 418.869.500đ.

Cụ T có nghĩa vụ giao cho ông Phạm Hồng H được hưởng 1.018.869.500đ (trong đó 468.869.500đ tiền kỷ phần thừa kế + 250.000.000đ tiền công sức giữ gìn di sản + 300.000.000đ tiền cụ T cho).

Về chi phí định giá tài sản hết 3.000.000đ, bà Phạm Thị Hồng P đã tạm ứng, nay bà P tự nguyện chịu (bà P đã nộp xong).

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12, 13, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016. Các đương sự được nhận kỷ phần thừa kế phải chịu án phí theo quy định pháp luật trên kỷ phần mình được nhận. Cụ bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị Hồng T và ông Phạm Hồng H được miễn án phí vì là người cao tuổi có đơn xin miễn. Bà Phạm Thị Hồng P phải chịu án phí DSST trên số tiền được nhận (nhưng đã được xét giảm ½ theo quy định).

- Tại phiên Tòa ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp với nhận định của HĐXX.

- Tại phiên Tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ các Điều 609, 613, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 12, 13, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Phạm Thị Hồng P đối với ông Phạm Hồng H.
2. Cụ bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu nhà và đất có diện tích

45.80m² tọa lạc tại số C đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 4933 ngày 06/7/2001 đứng tên ông Phạm Văn X và bà Nguyễn Thị T). Cụ bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xin được chuyển quyền sở hữu theo đúng thủ tục quy định pháp luật.

- Cụ bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ giao lại ông Phạm Hồng H số tiền 1.018.869.500đ (trong đó 468.869.500đ tiền kỷ phần thừa kế + 250.000.000đ tiền công sức giữ gìn di sản + 300.000.000đ tiền cụ T cho).

- Cụ bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ giao lại các bà Phạm Thị Hồng T, Phạm Thị Hồng H, Phạm Thị Hồng T, Phạm Thị Hồng P và anh Phạm Hồng T mỗi người được hưởng 418.869.500đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Bác lời nại của ông H không đồng ý chia thừa kế di sản trên.

4. Về chi phí thẩm định giá tài sản và xem xét tại chỗ hết 3.000.000đ, bà Phạm Thị Hồng P đã tạm ứng nay bà P tự nguyện chịu nên được chấp nhận.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Hồng H, bà Phạm Thị Hồng T và anh Phạm Hồng T mỗi người phải chịu 20.755.000đ án phí DSST.

- Bà Phạm Thị Hồng phải chịu 10.377.500đ án phí DSST (được xét giảm ½ theo quy định) nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000đ, theo biên lai số 0002986 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án thành phố Quy Nhơn nên bà P còn phải nộp 4.377.500đ án phí DSST.

- Cụ bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị Hồng T, ông Phạm Hồng H không phải chịu án phí DSST (là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí).

* Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Ngọc Dung